

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : KẾ TOÁN

MÃ NGÀNH : 7340301

(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../107.../QĐ-UEF ngày ..../.../2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **KẾ TOÁN**
- Tên tiếng Anh: **ACCOUNTING**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Kế toán doanh nghiệp
- Chuyên ngành 2. Kiểm toán

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Kế toán
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Accounting

#### 1.2. Mục tiêu đào tạo:

##### 1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Đào tạo nguồn nhân lực kế toán chất lượng cao, nắm vững kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán, kiểm toán và tài chính tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài thuộc mọi loại hình hoạt động kinh doanh; có năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động Kế toán – Kiểm toán và phát triển nghề nghiệp của bản thân trong bối cảnh kinh tế hội nhập toàn cầu. Có kỹ năng sử dụng tốt công nghệ thông tin để xử lý các công việc chuyên môn phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế. Có phẩm chất chính trị, có tinh thần sáng tạo và trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng xã hội.

##### 1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

Cử nhân ngành Kế toán có khả năng:

- Về Kiến thức:
  - **PO1:** Đào tạo người học có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật. Đào tạo các kiến thức rộng và sâu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán, có năng lực ứng dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu về xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực tài chính, kế toán trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.
- Về Kỹ năng:
  - **PO2:** Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng kế toán - kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế



trong trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu;

- **PO3:** Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi;
- **PO4:** Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của ngành, chuyên ngành;
- **PO5:** Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;
- **PO6:** Có kỹ năng sử dụng công nghệ một cách thành thạo nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả tại các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước;
- Về Thái độ:
- **PO7:** Có phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp; có sức khỏe tốt;
- **PO8:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách với xã hội, cộng đồng.

### 1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

### 1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 106 /QĐ-UEF ngày 7 / 5 /2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2020.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 132 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>	<b>12</b>	<b>9,1 %</b>
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>	<b>21</b>	<b>15,9 %</b>
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>	<b>30</b>	<b>22,7 %</b>
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức nền tảng rộng</b>	<b>35</b>	<b>26,5 %</b>
1.4.1	Khoa học tự nhiên	9	
1.4.2	Khoa học chính trị	11	
1.4.3	Pháp luật	6	
1.4.4	Tin học	3	
1.4.5	Thiết kế dự án	6	
<b>1.5</b>	<b>Kiến thức ngành gần, khác ngành</b>	<b>6</b>	<b>4,6 %</b>
<b>1.6</b>	<b>Kiến thức đại cương khác</b>	<b>28</b>	<b>21,2 %</b>
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	28	
1.6.2	Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>132</b>	<b>100,0 %</b>



## 2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ				Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA		
<b>1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>				<b>12</b>					
1.1.1	ECO1101	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3				
1.1.2	ECO1102E	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3			ECO1101	
1.1.3	ACC1101	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	3			ECO1101	
1.1.4	FIN1101E	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	The Economics of Money, Banking and Financial Markets	3	3			ECO1101	
<b>1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>				<b>21</b>					
1.2.1	ACC1102	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	3			ACC1101	
1.2.2	FIN1103E	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	3	3			FIN1101E	
1.2.3	FIN1102E	Thuế	Taxation	3	3			FIN1101E	
1.2.4	ACC1103	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2	3	3			ACC1102	
1.2.5	ACC1117	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	3			ACC1102	
1.2.6	FIN1117E	Thanh toán quốc tế	International Payments	3	3			FIN1101E	
1.2.7	ACC1105E	Kế toán chi phí	Cost Accounting	3	3			ACC1101	
<b>1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>				<b>30</b>					
1.3.1	ACC1104E	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information Systems	3	3			ACC1101	
1.3.2	ACC1108E	Kế toán quốc tế	International Accounting	3	3			ACC1101	
1.3.3	ACC1123	Kiểm toán căn bản	Basic Auditing	3	3			ACC1103	
1.3.4	ACC1107E	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3			ACC1101	
1.3.5	FIN1114E	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Management	3	3			FIN1103E	
1.3.6	ACC1326	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3					3
<b>Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau hoặc Khóa luận tốt nghiệp.</b>				<b>12</b>					



TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>Chuyên ngành 1:</b>		<b>Kế toán doanh nghiệp</b>								
1.3.7	ACC1122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán	Accounting	3	3					
1.3.8	ACC1128E	Kế toán thuế	Tax Accounting	3	3					
1.3.9	ACC1113E	Kế toán tài chính 3	Financial Accounting 3	3	3			ACC1103		
1.3.10	ACC1111	Kế toán ngân hàng thương mại	Commercial Bank Accounting	3	3			FIN1104E		
1.3.11	ACC1427	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
<b>Chuyên ngành 2:</b>		<b>Kiểm toán</b>								
1.3.7	ACC1114	Kiểm soát nội bộ	Internal Control	3	3			ACC1123		
1.3.8	ACC1124E	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	Financial Statement Auditing 1	3	3			ACC1123		
1.3.9	ACC1125	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	Financial Statement Auditing 2	3	3			ACC1123		
1.3.10	ACC1113E	Kế toán tài chính 3	Financial Accounting 3	3	3			ACC1103		
1.3.11	ACC1427	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
<b>1.4 Kiến thức nền tảng rộng</b>				<b>35</b>						
<b>1.4.1 Khoa học tự nhiên</b>				<b>9</b>						
1.4.1.1	MAT1103	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	3	3					
1.4.1.2	STA1101	Xác suất thống kê	Principles of Probabilities and Statistics	3	3			MAT1103		
1.4.1.3	ITE1262	Tin học thống kê	Apply Statistic	3	2	1		STA1101		
<b>1.4.2 Khoa học chính trị</b>				<b>11</b>						
1.4.2.1	POL1111	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2					
1.4.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thi nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
				Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
<b>1.4.3 Pháp luật</b>				<b>6</b>						
1.4.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Basics of Law	3	3					
1.4.3.2	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	Entities Law	3	3					
<b>1.4.4 Tin học</b>				<b>3</b>						
1.4.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	Introduction to Computer Basics	3	2	1				
<b>1.4.5 Thiết kế dự án</b>				<b>6</b>						
1.4.5.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	3	3					
1.4.5.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	3	3			SKI1107		
<b>1.5 Kiến thức ngành gần, khác ngành</b>				<b>6</b>						
1.5.1	MGT1101	Quản trị học	Principles of Management	3	3					
1.5.2	FIN1109	Thị trường bảo hiểm	Risk Management and Insurance	3	3			FIN1101E		
<b>1.6 Kiến thức đại cương khác</b>				<b>31</b>						
<b>1.6.1 Ngoại ngữ</b>				<b>28</b>						
1.6.1.1	ENG2101	Tiếng Anh 1	English 1	4	4					
1.6.1.2	ENG2102	Tiếng Anh 2	English 2	4	4					
1.6.1.3	ENG2103	Tiếng Anh 3	English 3	4	4					
1.6.1.4	ENG2104	Tiếng Anh 4	English 4	4	4					
1.6.1.5	ENG2105	Tiếng Anh 5	English 5	4	4					
1.6.1.6	ENG2106	Tiếng Anh 6	English 6	4	4					
1.6.1.7	ENG2107	Tiếng Anh 7	English 7	4	4					
<b>1.6.2. Giáo dục thể chất (sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)</b>				<b>3</b>						
		Nhóm 1								
1.6.2.1.1	GYM1311	GDTC-Aerobic 1	Physical Education 1 (Aerobic)	1		1				



TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
				Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.6.2.1.2	GYM1312	GDTC-Aerobic 2	Physical Education 2 (Aerobic)	1		1				
1.6.2.1.3	GYM1313	GDTC-Aerobic 3	Physical Education 3 (Aerobic)	1		1				
		<i>Nhóm 2</i>								
1.6.2.2.1	GYM1321	GDTC-Vovinam 1	Physical Education 1 (Vovinam)	1		1				
1.6.2.2.2	GYM1322	GDTC-Vovinam 2	Physical Education 2 (Vovinam)	1		1				
1.6.2.2.3	GYM1323	GDTC-Vovinam 3	Physical Education 3 (Vovinam)	1		1				
		<i>Nhóm 3</i>								
1.6.2.3.1	GYM1331	GDTC-Boxing 1	Physical Education 1 (Boxing)	1		1				
1.6.2.3.2	GYM1332	GDTC-Boxing 2	Physical Education 2 (Boxing)	1		1				
1.6.2.3.3	GYM1333	GDTC-Boxing 3	Physical Education 3 (Boxing)	1		1				
		<i>Nhóm 4</i>								
1.6.2.4.1	GYM1341	GDTC-Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 (Body-building)	1		1				
1.6.2.4.2	GYM1342	GDTC-Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 (Body-building)	1		1				
1.6.2.4.3	GYM1343	GDTC-Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 (Body-building)	1		1				
<b>1.6.3 Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)</b>										
1.6.3.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh								
		Military Education								

*Ghi chú:* Mã MH ký hiệu xxxxxxE – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.



### **2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:**

Phân bố kế hoạch giảng dạy chương trình đào tạo ngành Kế toán (xem trang cuối cùng)

### **2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:**

#### **Kinh tế vi mô: 3 tín chỉ**

Thị trường được hình thành thông qua sự tương tác giữa cung và cầu, quá trình phân tích hành vi người tiêu dùng và nhà sản xuất giúp hiểu được sự hình thành thị trường và cơ sở vận động của thị trường, các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh đang chi phối thị trường. Từ đó sinh viên được trang bị công cụ phân tích để tiếp cận và hiểu các học phần tiếp theo.

#### **Kinh tế vĩ mô: 3 tín chỉ**

Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô bao gồm: Đo lường tổng sản lượng quốc gia; Xác định sản lượng cân bằng quốc gia; chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; sự phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ trong nền kinh tế; Lạm phát và thất nghiệp; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

#### **Nguyên lý kế toán: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về kế toán, từ đó giúp người học có cơ sở tiếp tục nghiên cứu những nội dung chuyên sâu về chuyên ngành kế toán. Cụ thể như nghiên cứu về: đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán, các phương pháp kế toán-phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra học phần giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.

#### **Lý thuyết tài chính tiền tệ: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính, hệ thống ngân hàng và các vấn đề khác có liên quan như: cung cầu tiền tệ, lãi suất, chính sách tiền tệ, lạm phát, tỷ giá, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại, thị trường tài chính... cũng như vai trò của chúng đối với nền kinh tế của một quốc gia để làm nền tảng cho các môn học nâng cao về Tài chính và Ngân hàng sau này.

#### **Kế toán tài chính 1: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán các mặt hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp phi tài chính, bao gồm: Kế toán tiền, nợ phải thu, phải trả, hàng tồn kho, tài sản cố định, kết quả kinh doanh, vốn chủ sở hữu. Thông qua học phần sinh viên biết quy trình kế toán, cách thức ghi nhận, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp, cũng như cách trình bày các thông tin chủ yếu trên báo cáo tài chính, từ đó hiểu được ý nghĩa các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **Tài chính doanh nghiệp: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức tài chính doanh nghiệp căn bản cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu được các quyết định tài chính cơ bản trong 1 doanh nghiệp: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ, quyết định cổ tức, quyết định quản lý vốn luân chuyển. Học phần bao gồm những chủ đề về: Bản chất của quản trị tài chính doanh nghiệp, Định giá cổ phần



thường, Hoạch định dòng tiền, Các tiêu chuẩn hoạch định ngân sách vốn đầu tư; Cấu chi phí sử dụng vốn, Phân tích tài chính, Quản trị tài sản ngắn hạn.

### **Thuế: 3 tín chỉ**

Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ là hai công cụ quan trọng để chính phủ can thiệp vào nền kinh tế nhằm đạt 3 mục tiêu cơ bản: tạo công ăn việc làm, tăng trưởng kinh tế bền vững và kiểm soát lạm phát. Thuế là một bộ phận trong chính sách tài khóa. Nó thu hút một phần thu nhập quốc dân vào ngân sách nhà nước giúp nhà nước thực thi các chức năng kinh tế của mình. Học phần này tập trung vào những lý luận cơ bản của thuế và trình bày nội dung hiện hành của các sắc thuế chính tại Việt Nam gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.

### **Kế toán tài chính 2: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về kế toán các giao dịch hoặc đối tượng kế toán chuyên biệt trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, như: hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, sai sót trong kế toán, thay đổi chính sách kế toán và ước tính kế toán. Đồng thời học phần hướng dẫn, rèn luyện kỹ năng lập, trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp, qua đó người học hiểu toàn diện các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trình bày trên báo cáo tài chính.

### **Phân tích báo cáo tài chính: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về các chỉ tiêu trong hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính, quy trình phân tích ngành và chiến lược, phân tích kế toán trong mối quan hệ với phân tích tài chính nhằm giúp người học phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán và năng lực dòng tiền của doanh nghiệp, dự báo những chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo tài chính với nhiều mục đích khác nhau.

### **Thanh toán quốc tế: 3 tín chỉ**

Học phần nghiên cứu các vấn đề mang tính chất lý luận và thực tiễn chuyên sâu về nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Từ đó, người học có thể áp dụng để xử lý các quy trình thanh toán cho các hoạt động như xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

### **Kế toán chi phí: 3 tín chỉ**

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán chi phí: chức năng, sự khác biệt giữa kế toán chi phí với các nghiệp vụ kế toán khác, quá trình vận động của chi phí trong doanh nghiệp sản xuất và các cách thức tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức nhằm có khả năng xử lý các nghiệp vụ, số liệu có liên quan đến chi phí làm cơ sở xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

### **Hệ thống thông tin kế toán: 03 tín chỉ**

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về Hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT); cụ thể là giới thiệu các thành phần của HTTTKT. Trong học phần sinh viên được thực hành kỹ năng nhận biết tình huống kinh tế, lựa chọn công cụ hàm để trình bày thông tin trên bảng tính. Bên cạnh đó, cách tiếp cận và thao tác cơ bản một phần mềm kế toán là những kỹ năng cho công tác kế toán mà sinh viên được trang bị. Ngoài ra, môn học giúp người học phát huy khả năng tự tìm hiểu về HTTTKT để có thể thích nghi với môi trường làm việc kế toán trên máy tính.



### **Kế toán quốc tế: 3 tín chỉ**

Học phần trình bày khuôn mẫu lý thuyết của Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế - nguyên tắc kế toán cơ bản, các yếu tố của báo cáo tài chính, định nghĩa, điều kiện ghi nhận và đo lường, thông tin về các chuẩn mực kế toán cụ thể: Hàng tồn kho; Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị; Tài sản vô hình; Tồn thất tài sản; Thuê tài sản; Doanh thu; Thuế thu nhập, ...

### **Kiểm toán căn bản: 03 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kiểm toán như: các khái niệm cơ bản trong kiểm toán, vai trò và đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên, phân loại các loại kiểm toán, môi trường kiểm toán, các bước trong quy trình lập kế hoạch kiểm toán và các kỹ thuật kiểm toán áp dụng khi thực hiện quy trình kiểm toán như phân tích, chọn mẫu, đánh giá rủi ro, đánh giá và phân biệt các loại báo cáo kiểm toán.

### **Kế toán quản trị: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến quá trình thu thập, phân loại, xử lý và cung cấp thông tin liên quan đến chi phí, phân tích lợi nhuận, định giá bán sản phẩm nhằm giúp cho nhà quản trị đưa ra quyết định. Nội dung chính của học phần này bao gồm: giới thiệu tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí; hệ thống kế toán chi phí theo công việc, theo quá trình sản xuất và trên cơ sở hoạt động; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận, định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị.

### **Quản trị rủi ro tài chính: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức hiện đại về các chiến lược phòng ngừa rủi ro thông qua các công cụ phái sinh hiện đại trên thị trường chứng khoán, thị trường ngoại hối, thị trường tiền tệ và hàng hóa như các quyền chọn (options), hợp đồng kỳ hạn (forwards), hợp đồng giao sau (futures) và các giao dịch hoán đổi (swaps). Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cách thức tổ chức một chương trình quản trị rủi ro hữu hiệu tại các doanh nghiệp theo đúng những chuẩn mực quốc tế. Những nghiên cứu mới nhất từ các công ty trên thế giới còn cho thấy doanh nghiệp nào biết cách tổ chức một chương trình quản trị rủi ro tài chính hiệu quả thì sẽ làm gia tăng đáng kể giá trị doanh nghiệp, giá cổ phiếu của các doanh nghiệp này vì thế cũng tăng theo tương ứng.

### **Thực tập tốt nghiệp: 3 tín chỉ**

Học phần này giúp người học :

- Tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai;
- Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập;
- Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp.

Sau khi kết thúc thời gian thực tập sinh viên có thể:

- Hiểu và mô tả được những đặc trưng, cơ cấu tổ chức quản lý, chức năng và nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thực tập;



- Mô tả được (những) quy trình nghiệp vụ cụ thể, quy trình cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ kế toán, kiểm toán tại đơn vị;
- Biết, hiểu và vận dụng được những kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn tại một bộ phận nghiệp vụ phù hợp ngành, chuyên ngành đào tạo;
- Tổng hợp và trình bày được kết quả hoạt động, kết quả kinh doanh của đơn vị trong thời gian gần nhất;
- Phát triển khả năng kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.

### **Khóa luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một khóa luận tốt nghiệp.

Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên:

- Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của cả ngành, của thị trường. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định;
- Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography);
- Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu;
- Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

### **Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán: 3 tín chỉ**

Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng phân tích liên quan đến quá trình phát triển hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) bao gồm các nhân tố chi phối và nội dung của việc tổ chức HTTT kế toán trong điều kiện ứng dụng CNTT toàn doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần cung cấp kiến thức liên quan đến tổ chức dữ liệu kế toán, kiểm soát HTTTKT; cùng với những hiểu biết về quy trình kinh doanh. Học phần này hỗ trợ cho sinh viên ứng dụng kiến thức chuyên sâu nhằm chuẩn bị cho các hoạt động tổ chức HTTT kế toán trong điều kiện tin học hóa tại doanh nghiệp thông qua ứng dụng các phần mềm chuyên nghiệp.

### **Kế toán thuế: 3 tín chỉ**

Kế toán thuế đóng vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu đối với bất kể doanh nghiệp nào. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về những thông tư, nghị định mới về luật thuế, các loại thuế khác nhau, cách thức xác định cơ sở để tính thuế cũng như cách thức hạch toán các loại thuế khác nhau trong doanh nghiệp.



### **Kế toán tài chính 3: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp kiến thức kế toán chuyên sâu cho khối chuyên ngành kế toán với nội dung chính bao gồm: kế toán thuê tài sản, các khoản dự phòng phải trả, kế toán vốn của công ty cổ phần, lập báo cáo tài chính hợp nhất và tổ chức công tác kế toán. Kế toán tài chính 3 giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu về công tác kế toán tài chính; sinh viên có thể đảm nhiệm được mọi vị trí công việc kế toán tại các doanh nghiệp, bổ sung thêm kiến thức làm cơ sở nghiên cứu về kiểm toán báo cáo tài chính và tiếp cận với môn học kế toán quốc tế.

### **Kế toán ngân hàng thương mại: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức về nghiệp vụ kế toán ngân hàng cơ bản. Cụ thể là các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán, các nghiệp vụ cơ bản phát sinh tại ngân hàng thương mại như kế toán nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, thu nhập - chi phí và cách thức trình bày trên các báo cáo của ngân hàng. Học phần cũng đồng thời hướng dẫn người học hiểu và xử lý được các giao dịch ngân hàng tại quầy, hiểu các chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại.

### **Kiểm soát nội bộ: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kiểm soát nội bộ – khái niệm đã được giới thiệu tổng quát trong học phần Kiểm toán cơ bản. Nội dung chính của học phần bao gồm: khái niệm và vai trò của kiểm soát nội bộ đối với việc phát hiện và ngăn ngừa rủi ro, gian lận trong hoạt động kinh doanh, các cấu phần chính của hệ thống kiểm soát nội bộ và cách thức đề thiết kế hoạt động kiểm soát đối với các hoạt động chính của doanh nghiệp như: mua hàng, bán hàng, tiền, chi phí lương.

### **Kiểm toán báo cáo tài chính 1: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức kiểm toán cho các khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính như: kiểm toán tiền, nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định. Các kiến thức của học phần Kiểm toán báo cáo tài chính 1 sẽ bổ sung cho học phần Kiểm toán căn bản để sinh viên có thể áp dụng các lý thuyết vào việc thực hành kiểm toán các khoản mục trên Báo cáo tài chính. Giúp sinh viên có cơ hội làm việc tại các công ty kiểm toán độc lập.

### **Kiểm toán báo cáo tài chính 2: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên cách thức kiểm toán các khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính như: nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí, góp vốn đầu tư. Các kiến thức của học phần Kiểm toán báo cáo tài chính 2 sẽ bổ sung cho học phần Kiểm toán căn bản và Kiểm toán báo cáo tài chính 1 để sinh viên có thể áp dụng các lý thuyết vào việc thực hành kiểm toán các khoản mục nâng cao trên Báo cáo tài chính. Giúp sinh viên có cơ hội làm việc tại các công ty kiểm toán độc lập.

### **Toán cao cấp: 3 tín chỉ**

Môn học là môn cơ bản dành cho tất cả sinh viên đại học, nhằm giới thiệu một số phương pháp toán cơ bản được sử dụng rộng rãi trong các môn học chuyên ngành. Nội dung của học phần bao gồm: định thức; ma trận, hệ phương trình tuyến tính; hàm nhiều biến, phép tính vi phân hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2.



### **Xác suất thống kê: 3 tín chỉ**

Học phần là môn cơ bản dành cho tất cả sinh viên đại học, trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về xác suất cơ bản và các nguyên lý thống kê. Nội dung của học phần bao gồm: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của một biến cố; biến ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất; biến ngẫu nhiên nhiều chiều; mẫu và các đặc trưng mẫu; ước lượng tham số; kiểm định giả thuyết thống kê; lý thuyết tương quan và phương trình hồi quy tuyến tính đơn.

### **Tin học thống kê: 3 tín chỉ**

SPSS (Statistic Package for Social Science) là một phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và xử lý, phân tích thống kê chuyên nghiệp, linh hoạt, đa năng và rất mạnh so với các phần mềm có chức năng xử lý thống kê khác như: Lotus, Quattro, Excel, Stata, Epiinfo ...; SPSS ngày càng được sử dụng rãi trong công tác nghiên cứu, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê, đặc biệt đối việc xử lý phân tích dữ liệu của các cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi;

- SPSS rất mạnh trong việc phân tích mối tương quan giữa các tiêu chí của sự vật, hiện tượng mà các phần mềm khác khó, hoặc không thực hiện được;
- SPSS giúp người nghiên cứu có thể phân tích các xu hướng phát triển của hiện tượng, sự vật thông qua các số liệu thống kê từ đó đưa ra các dự báo trong nghiên cứu;
- SPSS for Window thân thiện với người sử dụng, dễ dàng liên kết để lấy dữ liệu, hoặc xuất kết quả qua các phần mềm ứng dụng khác như Excel, Access.

### **Triết học Mác-Lênin: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác –Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật thể vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

### **Kinh tế chính trị Mác-Lênin: 2 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Kinh tế chính trị Mác–Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, các học thuyết kinh tế; Hiểu được và biết vận dụng vào trong quá trình phân tích, xử lý, đánh giá hệ thống vấn đề khoa học lý thuyết và khoa học thực tiễn trong từng chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo hệ thống quan điểm khoa học, theo tính chất, bản chất của từng hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tư vấn trong cuộc sống xã hội. Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1- bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin, cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc trong phát triển của Việt Nam.



### **Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ**

Nội dung học phần gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKKH.

### **Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về quốc phòng toàn dân, về phát triển kinh tế và văn hóa, về đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng và quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

### **Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (CSVN): 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)..

### **Pháp luật đại cương: 3 tín chỉ**

Học phần Lý luận về Nhà nước nghiên cứu hiện tượng Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Max- Lenine. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về Nhà nước: nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng của nhà nước. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

### **Pháp luật về doanh nghiệp: 3 tín chỉ**

Học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

- Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh;
- Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.

### **Tin học đại cương: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin
- Khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều hành quản lý: tập tin, thư mục, ổ đĩa, ...
- Tiện ích trên Internet: web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, ...
- Sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng.
- Ứng dụng soạn thảo văn bản.
- Ứng dụng bảng tính.



- Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình diễn.

### **Project Design 1: 3 tín chỉ**

Học phần Thiết kế dự án 1 đóng vai trò quan trọng (như mục tiêu nêu trên) trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn quốc tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận hành] trong giáo dục đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về kỹ năng của thị trường lao động.

### **Project Design 2: 3 tín chỉ**

Với quan niệm “Người học là trung tâm”, môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8) Khảo sát như cầu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hoá giải pháp. Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp.

Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và lô-gic cao.

### **Quản trị học: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.

### **Thị trường bảo hiểm: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở về bảo hiểm và thị trường bảo hiểm: Lý thuyết về rủi ro và rủi ro có thể bảo hiểm; Các vấn đề lý luận mang tính nguyên tắc của bảo hiểm; Những vấn đề mang tính nguyên tắc của hợp đồng bảo hiểm; Những vấn đề mang tính nguyên tắc của tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Đặc điểm, nguyên tắc chung của các loại hình bảo hiểm (bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự); Kiến thức và kỹ năng phân tích thị trường bảo hiểm.

### **Tiếng Anh 1: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh



trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè,...), giao tiếp học thuật và công sở.

### **Tiếng Anh 2: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần GEP 1. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc như các vấn đề liên quan đến cá nhân, đưa ra yêu cầu, đặt và mua hàng, nói chuyện trên điện thoại, thể hiện sự quan tâm đến nội dung cuộc đàm thoại.

### **Tiếng Anh 3: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc và tương đối phức tạp trong giao tiếp hàng ngày như nghe và chia sẻ các vấn đề của người khác, khiếu nại, xin lỗi và thể hiện sự đồng cảm.

### **Tiếng Anh 4: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.



### **Tiếng Anh 5: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc.

### **Tiếng Anh 6: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc. Môn học hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

### **Giáo dục thể chất 1, 2, 3: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam.

### **Giáo dục quốc phòng – an ninh: 165 tiết (05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020)**

Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

## **III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**

1. Chương trình đào tạo này áp dụng từ khóa tuyển sinh **năm 2020**.
2. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, Khoa quản lý.
3. Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa, trung tâm, đơn vị quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với bản đặc tả trong chương trình đào tạo.
4. Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định liên quan hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.



5. Trưởng Khoa Kinh tế, Trưởng ngành phụ trách đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần Khoa, Trưởng ngành đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...
6. Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (những thay đổi nhỏ như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá) và rà soát 02 năm một lần (chủ yếu xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần) để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.



**TS. Nguyễn Thanh Giang**





